

**ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ**  
**TÒA-THÁNH TÂY-NINH**

---



**ĐẠO MẠCH TRI NGUYÊN**

**HUỆ CHƯƠNG**



**TÀI LIỆU SƯU TẦM 2012**  
hai • không • một • hai

---

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị thay đổi, sửa chữa những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **NHÓM BẠN ĐẠO – AUSTRALIA, BAN PHỤ TRÁCH KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngỏ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 07/10/2023

Tâm Nguyễn

Website: [tusachCAODAI.wordpress.com](http://tusachCAODAI.wordpress.com)

---

# ĐẠO MẠCH TRI NGUYÊN

Tác giả

**HUỆ CHƯƠNG**

Cốt chi quyển sách này để trực luận về Đại Đạo Tam Kỳ

**MỤC LỤC**

*TỰA*..... 5

*ĐẠO MẠCH TRI NGUYÊN*..... 7

---

**TỰA**


---

**T**UY BÊ HỌC THỨC CỦA TÔI VẪN CÒN HẸP-HÒI, SONG HẰNG ĐỂ TÂM XEM-XÉT TRONG ĐIỀU HƯ-THIỆT của đời, lại hằng thấy nhiều bậc văn-chương, thường muốn kích-bác một việc chi trong xã-hội, lại chẳng để lòng tìm biết cho tột lý; nên hễ luận đến thì không rõ ngọn nguồn. Thành ra, vì ghét lẫn một vài người trong đấy, mà làm chình lòng cả công chúng; mà cũng làm hư danh của mình trong buổi kết cuộc. Nếu việc của người thành tựu sau xa, chừng ấy dầu có ăn-năn cũng đã muộn: Té ra, cái tư-tưởng chẳng hay của mình, luống để cho đoàn hậu-tấn luận biện đời đời kiếp kiếp.

Cũng như xưa kia, Đức Chúa Jê-sus-Christ giáng-sanh khai Thánh-Giáo; cả dân sự miền Âu bởi chẳng hiểu là điều yếu trọng về sau, cho đến nỗi một vị trong 12 Môn-đệ của Ngài là Juda, vì lòng tham-lam, đành bán Ngài cho quân Jiu-Giêu đem ra hạ-sát. Khi hối-ngộ, biết rằng sự lỗi, Juda tự xử lấy mình nhưng chưa đủ đền tội. Đến buổi chung cuộc thiên-hạ rõ thấu rằng Đạo chơn-chánh rồi, thì trong lòng hằng ghi nhớ Juda là kẻ bất lương; cho đến ngày nay đã gần hai ngàn năm, mà danh xấu vẫn còn lưu-truyền, hễ nhắc đến tên, thì người người phải nhăn mặt.

Lại buổi nọ, Đức Khổng-Phu-Tử, là một vị xuất Thánh miền Á-Đông, truyền bá Nho-Giáo, nhưng rủi gặp lối chưa phục đặng lòng của sanh-linh, làm cho Ngài chịu nhiều nơi khổ-tân; đến đâu cũng bị nhà Vua xô đuổi: Cả mấy nước Lỗ, Vệ, Trần tuyệt lương Ngài. Rốt việc rồi, dân-sanh thức

giác, biết đặng Tôn-chỉ Đạo của Ngài là cao thượng, thì Ngài cũng được hoan-nghinh. Bởi có mà ngày nay, hễ nhắc đến Ngài, thì thoát nhớ lại mấy nước xưa không biết dụng hiền. Cái danh bất luật lại roi truyền chẳng dứt. Đó là hai sự tích, vẫn còn để treo gương cho các nhà văn-sĩ đời nay, soi lấy mà tự xét phận mình.

Ấy là việc xưa, còn hiện nay, có mấy cuốn sách tôi mới đọc rồi đây, thấy người đem một nền Đạo của nhà Nam, đã từ bốn ngàn năm nay mới hầu gặp đặng, mà luận việc tà chánh; nhưng không hiểu sao là tà, sao là chánh, thì điều sơ-sốt ấy, nói chẳng cùng.

Vì vậy mà tôi để hết lòng nghiên-cứu, may thấu đặng chút ít căn-cội của Đại-Đạo Tam-Kỳ; nên đem nêu lên quyển sách này, hầu hiển cho chư quý-vị đọc giả tường lãm, rồi mặc tình luận-biên: chớ tôi vốn là người chẳng can dự với Tôn-giáo nào, nhưng vẫn biết thấy đều chơn-chánh. Nếu có việc chi lầm-lạc: ấy là xuất ư tâm chí riêng của một ít người tham danh, chác lợi đã gây ra, chớ Tôn-chỉ của Đạo nào cũng đều dạy những sự hiền-lành ngay thật cả.

Saigon, le 15 Septembre 1929

Huệ Chương

## ĐẠO MẠCH TRI NGUYÊN

**T**ÔI VẤN SANH TRƯỞNG NƠI TỈNH THÀNH BẾN-TRE, BIỆT-DANH LÀ HUỆ-CHƯƠNG, THEO ÔNG THÂN tôi, vốn người giúp việc hảng buôn, chuyên nghề rèn tập theo lối văn-chương Âu, từ ấu chí trưởng.

Cả bạn tác, học một trường với tôi, thì tôi duy có găng-gũi M. Đức, vốn con nhà Cao-Quỳnh, lại là người có tâm chí rất hạp với tôi.

Từ buổi ra trường đến nay, tuy mỗi đứa vì ràng buộc theo phận sự gia-đình riêng, song cũng hằng tới lui thăm viếng, và lo-lắng cho nhau, chẳng khác tình ruột thịt.

Một ngày kia, tôi vẫn nghe thiên-hạ kích-bác về Đại-Đạo Tam-Kỳ, lại có tên ông thân, và chú ruột của ảnh, thì tôi lấy làm chứng hững. Tuy là tôi hay đến nhà chơi với ảnh, thường cũng hay thấy mấy ông lớn hiệp nhau bàn luận việc Đạo; nhưng vì tánh tôi còn ham chơi, nên không hề để ý đến. Nay nghe vậy, tôi lật-đật đến hỏi thăm ảnh cho rõ.

Vừa gặp nhau, tôi chưa đặng cặn hỏi, thì ảnh đã vờ vai tôi mà nói rằng: *“Hỡi nào mà anh nghe thiên-hạ! Họ có hiểu cái nguồn-cội của Đại-Đạo là nơi nào mà ra đâu; bị họ luống tưởng mấy ông bày ra, mà gạt chúng. Anh nghĩ coi, như có gạt-gẫm, thì năm ba chục người, cũng còn có thể nói đến chuyện lâm-lạc, lẽ đâu trót triệu nhân-sanh như vậy, lại trong số triệu ấy, cũng hiếm người phẩm-vị cao, trí-thức nhiều mà cũng mắc kế mấy ông nữa sao!”*

Để tôi thuật sơ đầu đuôi gốc ngọn lại cho anh nghe, rồi

cứ suy nghĩ riêng lấy mà kiếm hiểu.

Anh em mình vẫn ý-kiến tương đồng, kết bạn với nhau trót mười năm, tình như máu thịt, thường hay bàn luận; khi thì về học-thức, mà cũng có lối; nói đến tình đời, cho đến việc nhà của nhau, cũng đều thấu hết.

Anh dư biết tánh tình của tôi; tuy hay vui chơi, theo cuộc hí-trường, song cũng hằng để ý, kiếm cho hiểu biết luân-thường Đạo-lý. Tôi dòm quanh theo cô bác lối xóm-giềng, hằng thấy mỗi nhà đều chưng dọn bàn thờ; việc đẹp chẳng, là tùy gia vô hữu, nhưng cũng có lập ra luôn, hoặc thờ ông bà, hay là cha mẹ. Về nhà, thấy ông thân tôi chẳng hề để ý đến đó, tôi hỏi ổng, ổng trả lời rằng:

*“Thầy nay tuổi đã bốn mươi ngoài, cũng hằng tìm tòi cho biết những điều ấy, nhưng chưa hề thấy việc nào là ắt. Nếu sự chi mà thầy chưa rõ thấu, thì thà là đừng làm, còn hay hơn là bắt chước người mà không hiểu chi cả.*

*Thầy duy tưởng rằng, có một Đấng Tạo-Hóa Càn-Khôn, nhưng chẳng hề thấy hình ảnh đặng, thì cung kính Ngài mà thôi. Còn những việc theo thể tình hoặc thờ cha kính mẹ, thì nơi lòng, dầu cho mất còn cũng vậy. Mỗi khi cúng cơm cho ông bà, là buộc ý thầy, làm theo cố lệ, nếu không ngờ, lại buồn lòng. Còn bày biện bàn thờ như người, thì thầy nghĩ ra, một việc làm không ắt, thế cũng không tốn phí mà chi; miễn bốn phận người, làm sao cho khỏi trái lương tâm mình, là hơn hết”.*

Nghe ông thân tôi nói vậy, thì đã biết ông không tín-ngưỡng chi hết, nhưng ông cũng hằng giữ phận làm người, thì đã đành. Tôi lại các-cớ hỏi chú ruột tôi là ông Cao-Quỳnh-Cử, té ra hai ông như một. Thậm chí, đến đổi tôi tức mình hỏi cô bác, những nhà có thờ phượng, thì không một ai, trả lời nào, cho vừa lỗ tai tôi cả.





Một ngày kia, lối hạ tuần tháng Juillet 1925, nhằm đêm thứ sáu, tôi thấy nào là chú tư tôi, chú tám tôi, là M. Phạm-Công-Tắc, anh con nhà bác họ của tôi là M. Cao-Hoài-Sang, và vài người bạn nữa, đến mời ông thân tôi đi chơi. Tôi hỏi M. Sang cho biết mấy ông đi đâu, thì ảnh lại nói với tôi rằng:

- *Đi sai bàn.*
- *Sai bàn là chi?*
- *Là câu các Linh-hôn, về nói chuyện chơi.*

Nghe ảnh nói vậy, tôi lấy làm lạ, liền nom theo mấy

ổng, dạng coi làm thế nào cho biết. Đoạn mấy ổng đều kêu xe kéo, vô nhà anh Cao-Hoài-Sang; rồi vây nhau ngồi xung quanh một cái bàn tròn ba chân, để nơi trước hàng ba, lại có chưng bình bông tươi tốt và đốt nhang, sắp đặt trên một cái bàn nhỏ, để dựa vách kế đó.

Tôi cũng ngồi kế bên ông thân tôi, chừng mấy ổng biểu: “*Lặng-lặng định thần*” thì mỗi người đều để hai tay úp lên mặt bàn, tôi cứ việc làm theo.

Giây lâu, tôi thấy bàn nghiêng qua bên chú tư tôi, chú lại rầy chú tám Tắc, mà biểu đừng xô, cứ ngồi cho tịnh. Bàn lại ngã qua phía ông thân tôi, ông lại rầy nữa! Cách một chập, coi bộ mấy ổng mỗi tay, nên thấy đều tan ra nghỉ hết.

Tôi có ý coi, trong mấy ổng chưa ai thạo việc ấy cả, vì thấy cãi lầy nhau hoài; kể nói vậy người luận khác, phân phân bất nhứt.

Khi ấy, anh Cao-Hoài-Sang nói với mấy ổng rằng: “*Minh cứ tịnh tâm, ngồi yên điem, chừng nào có vong nhập, thì chắc là họ gõ chơn bàn, nghe cắc cắc chớ gì*”. Nghe đến đó, tôi có hơi dùn mình, vì tánh tôi nhát.

Đến khi vây nhau lại nữa, chú tư tôi ngồi xếp bằng trên ghế, tỏ ý rằng sợ hồn ma vào gõ bàn, mà đưng căng, nên cả thấy đều rút chơn lên, kể chồm hồm, người xếp bằng, té ra mấy ổng cũng không dạn gì cho mấy!

Lúc ấy đã khuya, coi ông nào cũng mệt, phần thì muỗi chích chơn, hễ thò tay xuống gãi, thì lại động, làm cho cái bàn không yên tịnh, lớp lại buồn ngủ. Chú tư tôi lại suy nghĩ, rồi luận rằng: “*Thế khi chúng ta ở trong nhà, nên các hồn ma không dám vào. Vậy khiêng bàn ra ngoài Trời trống trải, họa may họ mới nhập dạng*”. Đoạn mấy ổng hè-huội áp nhau khiêng bàn ra sân. Ngồi một hồi lâu, bàn cũng cứ dờ

lên để xuống, làm cho mấy ống rầy nhau, rồi cười hoài. Gặp lúc khuya, trời tối, muỗi lại cắn hơn nữa! Mấy ống chịu đã hết nổi, mới đành dẹp nghỉ, nhưng hẹn tối mai, sẽ hiệp nhau, làm cho hết ý. Ai nấy đều vui chịu, liền từ giã nhau ra về.

Qua đến mai, gặp nhằm thứ bảy, lối chín giờ, thầy đều tựu đến đủ mặt, cũng sửa soạn như bữa trước, rồi vây nhau lại ngồi chung quanh, để tay úp trên mặt bàn. Nhưng nay, chú tư tôi lại dận, phải sè bàn tay ra, hai ngón tay cái của mỗi người đều đầu đầu lại rồi ngón tay út, của người khác, làm cho có thể, các bàn tay liền nhau trọn cái vòng bàn. Mấy ống nghe theo. Tịnh một chập, bàn dờ lên cao, ngã vào góc tường. Rủi cho chú tám tôi ngồi phía trong kẹt, làm cho chú tưởng rằng anh Cao-Hoài-Sang, đương ngồi ngang mặt, cố ý muốn cợt chơi, nên chú la um-sùm rằng:

– Sang! Sang! Đừng phá mấy, chơi giống gì kỳ quá, mắc kẹt tao sao vậy! Rán ngồi tử-tế coi mà!

Ai nấy thấy vậy, đều cười rộ lên, mặt bàn nghiêng lại như cũ. Chú tư tôi liền năn-nỉ với mấy ống, xin đừng giỡn, để ý rán làm cho tận-tâm coi thế nào cho biết. Khi nghe chú tư tôi nói dứt lời, thì thầy đều ngồi lảng-lặng. Chú tư tôi thường hay có tánh giả ngộ, hễ nghe bàn cục-kịch, lại trợn mắt, ngó mấy ông kia. Tôi dòm thấy, ai ai cũng sợ cả, lại áp nhau cười rộ lên nữa! Làm như vậy, đã trót vài giờ, mà bàn cũng cứ dờ lên để xuống mãi; mà hễ thấy vậy, thì mấy ống lại rầy nhau, tưởng rằng tại người xô mà thôi.

Chừng tịnh lần này, cả thầy ngồi im điem; thoát nhiên, bàn dờ lên gõ lia gõ lịa. Mấy ống cũng cho là nội bọn phá, bèn hỏi thăm nhau. Ai nấy đều tỏ rằng, cả thầy đều để thật lòng mà thử cho hết sức, nên không xô đẩy chi; ấy là bàn diêu-động tự nhiên. Khi đó, người thì nói tê tay, kể lại nghe rần điễn.

Trong cơn mảy ổng hỏi nhau, bàn dứt gõ, nhưng cũng còn linh-chinh, dường như có sự sống vậy. Chừng nghi rằng có vong nhập, thấy đều kinh tâm; mảy ổng lụi-đụi, không biết phương chi mà thông-đồng với vong đặng.

Chú tư tôi liền dặn mảy ổng để như cũ, đừng ai lấy tay ra khỏi bàn, mà làm xao động, e vì vong xuất ngoại. Dứt lời, chú tư tôi lại nói với vong rằng:

– Xin khoan đi, để cho hỏi ít lời... Bây giờ chưa kiếm đặng thể nào cho hiểu nhau, thì duy cứ gõ hai, nghĩa là: Ủ chịu, có hoặc phải (*Oui*). Còn gõ một là: Không, hay là chẳng phải (*Non*).

Vong tiếp gõ hai: Tỏ rằng chịu theo lời dặn.

Đoạn chú tư tôi liền ngụ ý, rồi nói với vong như vậy: Ta hiểu theo đây, thì có thể nói chuyện với nhau tiện hơn. Nếu tôi hỏi chi, muốn trả lời lại, cứ tùy theo vần Alphabet quốc-ngữ mà gõ, mỗi chữ mỗi gõ, đến chữ nào dùng thì ngưng lại, nghĩa là lấy chữ chót; rồi bắt đầu trở lại mà nói chữ khác, xong rồi sẽ ráp lại mà đọc, giống như điệu dây thép vậy.

Vong liền gõ hai (*Ủ chịu*).

Hiểu nhau rồi, bàn gõ, chú tư tôi khởi đọc. Nhưng sự chi cũng vậy, lúc đầu sao cũng lộn-xộn năm bảy phen, đọc cho đến hết hai mươi mấy chữ vần, mà cũng còn gõ mãi. Tức mình, chú tư tôi cắt nghĩa lại một lần nữa. Thật lấy làm tội nghiệp cho vong quá, lại cũng thương cho mảy ổng, vì muốn thấu đáo, nên rán chịu khó đến cùng. May sao, lối mỗn hơi rồi, chú tư tôi đọc từ a, ă, â, b, c, d, đ..... tới chữ L thì dứt gõ. Chú tư tôi dặn M. Cao-Hoài-Sang nhớ chữ ấy, đủ rồi sẽ chép lại. Đoạn bàn tiếp gõ quận thứ nhì. Chú tư tôi đọc a, ă, â, b, c, d, đ..... cho đến chữ U, bàn ngưng lại rồi cũng cứ nối điệu theo như trước, cho đến khi ráp đặng ba chữ:

“*Lượng-Cao-Quyền*”.



Hình chụp cái bàn mà 3 Ông Cừ, Tắc, Sang dùng làm bàn xây cơ.  
Hiện còn giữ tại Nữ Đầu Sư đường.

Khi tiếp đặng mấy chữ ấy rồi, thì mấy ông hơn-hở vui cười. Dứt tiếng, chú tư tôi suy nghĩ rồi nói rằng: “*Như phải là Cao-Quyền-Lượng, thì chắc biết mấy người ngồi đây; vậy cứ nói tên mỗi người coi có trùng chằng?*”

Vừa dứt lời bàn gỗ, chừng ráp nguyên chữ thì thành ra tên: Diêu, Cừ, Tắc, Sang, Đức, Thân, Nguyên, thấy đều rộ

cười lên, còn cái bàn thì hồng lên một chút, lắc qua, lắc lại, dường như cũng cười theo vậy.

Khi ấy, ông thân tôi tiếp hỏi Lượng rằng:

– *Con có ở hầu ông Nội chăng?*

– *Có.*

– *Mời ông Nội đến đây, tiện không?*

– *Đặng.*

Dứt lời, thì bàn đỡ lên rồi để xuống, không còn điều-động như khi nãy nữa. Chú tám tôi nói rằng: “*Bộ khi nó đi rồi*”. Nghe vậy, mấy ổng đều dang ra nghĩ hết. Chừng ấy, tôi có ý coi thì thấy ông nào ông nấy, cũng lấy làm lạ, mà nhứt là ông thân tôi, với chú tư tôi. Vì tự ấu chí trưởng, hai người không tin chi hết, cho kiếp chết là mất rồi, chẳng tin là có hồn. Nay lại thấy điều lạ kỳ như vậy, thì hai ổng ngồi nhìn nhau, tình hình như trời đã hé cửa cho mấy ổng dòm, thấy đặng sự bí-mật vậy.

Cách nửa giờ, vẫy nhau ngồi, để tay lên, cũng tịnh như trước; kỳ nầy mấy ổng có màu kiêng dè, không dám cười giỡn nữa! Đoạn bàn gõ. Chú tư tôi tiếp đặng chữ, ráp lại như vậy: “*Cao-Quyển-Tuân*”.

Ấy là tên của ông Nội tôi, cả thầy đều đứng dậy xá, rồi ngồi xuống. Ông thân tôi hỏi sơ ít điều đã qua rồi, kể chú tư tôi tiếp nói rằng: “*Vì buổi thấy quá vắng, anh em con vẫn còn nhỏ dại, cho đến đời anh của con đã trọng, còn không nhớ đặng hình ảnh của thầy, huống chi là con còn nhỏ quá, duy buổi lớn khôn, nghe người truyền ngôn lại cái hạnh đức của thầy mà thôi. Nếu có thể tiện, xin thầy dùng dịp nầy, cho anh em con một bài thi tự thuật, hầu để rồi truyền ngày sau, cho con cháu làm kỷ niệm*”. Ông nội tôi chịu cho, liền tiếp đánh ra bài thơ như vậy:

*Ly trần tuổi đã quá năm mươi,  
Mi mới vừa nên ước dặm mười.  
Tổn mến lời khuyên bên mộ chếp,  
Tình thương câu dặn gần tâm đời.  
Bên màn đòi lúc trêu hôn phách,  
Cõi thọ nhiều phen đặn thánh thời.  
Xót nỗi vợ hiền còn lụy cụm,  
Gặp nhau nhẩn nhủ một đôi lời.*

Khi làm đến câu chuyện, thì cả thầy đều nao lòng, rưng rưng nước mắt; chùng qua câu kết, thì ông thân tôi, chú tư tôi, và chú tám Tắc, vùng khóc lớn lên một lượt; còn mấy ông kia với anh Cao-Hoài-Sang thấy vậy cũng mũi lòng khóc theo. Lúc đó, đầu cũng hai giờ khuya, lối xóm nghe khóc rùm lên, vài nhà lân cận đến dòm, thấy việc kỳ quái quá, thì họ đứng coi một hồi, nhưng không hiểu chi, họ đều lui về nhà ngủ hết.

Dứt bài rồi, thì ông nội tôi tiếp mấy chữ: “*Thầy xin kiếu*”, đoạn bàn đỡ lên cao, rồi để xuống nhẹ hều, không còn hơi động địa như khi trước nữa. Mấy ổng nói: “*Đi rồi, đi rồi*”. Khi ấy mấy ổng xúm nhau đem vô đèn, chếp mỗi người một bài, coi đi đọc lại rồi trầm-trồ khen mãi. Thấy vậy, tôi cũng để chút lòng tin, song chưa hiểu rõ cái huyền-bí ấy là thế nào. Còn ông thân tôi, chú tư tôi cùng mấy ổng vậy nhau, bàn luận truy kiếm cho biết vì đầu mà hóa ra chuyện lạ ấy. Tôi có ý coi, ông nào cũng ngơ-ngơ, ngáo-ngáo, chớ tìm không ra mối.

Ai nấy đều lui về nghỉ, duy có ông thân tôi chẳng chịu về nhà. Ổng theo chú tư tôi, mà thức luôn trót đêm, cứ đọc đi đọc lại bài thi ấy lại hoài, rồi bàn bàn luận luận, suốt luôn cả ngày chúa nhật nữa! Ngồi đầu cũng nói có bao nhiêu đó mà thôi. Thậm chí cho đến buổi cơm mà ổng cũng ở luôn,



mà dùng với chú tư tôi. Hai ông ngồi phân phân với nhau, cho đến mệt lũ, rồi nằm dài trên ván, mà cũng còn nói nói. Riết cho đến khi ngủ mòm, hồi nào tôi không hay, chùng ngó lại, thấy đồng hồ gần bốn giờ xế chiều, tôi mới về nhà mà nghỉ.

Lật bật, kể bảy giờ tối, ông thân tôi về kêu tôi dậy, hồi dọn cơm ăn, đặng hiệp nhau, đi vô anh Cao-Hoài-Sang nữa. Lần hồi, kể trước người sau, lối chín giờ rưỡi, thấy đều đủ mặt; rồi thì cũng vây nhau lại xung quanh cái bàn, đốt nhang lên. Đêm nay coi mòi mấy ống sửa soạn đoan trang hơn bữa trước lắm.

Tôi cũng bước lại, ngồi kê bên ông thân tôi. Cách chẳng bao lâu, bàn dở lên đánh chữ, ráp vắn lại như vậy: “*Thác vì tình*”. Nghe đến đó, thấy đều rờn ốc. Chú tư tôi bèn hỏi vong ấy tên chi? Đàn ông hay đàn bà? Trả lời rằng: “*Đoàn-Ngọc-Quế, con gái*”.

Tên họ đều trùng, mà chữ lót cũng giống tên họ của một người bạn thiết với ông thân tôi, đương ngồi kê bên chú tám Tắc đó. Mấy ống đều ngó M. Quế cười rộ lên. Đoạn chú tư tôi nói với vong ấy, xin một bài thi tự thuật.

Vong chịu, liền khởi đánh ra như vậy:

*Nội mình tâm sự tỏ cùng ai,  
Mạng bạc còn Xuân uống sắc tài.  
Những ngỡ trao duyên vào ngọc các,  
Nào dè phải nợ xuống Tuyên đài.  
Dưỡng sinh cam lỗi tình sông núi,  
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trước mai.  
Đôn-dập tương-tư oằn một gánh,  
Nội-niêm tâm-sự tỏ cùng ai.*

**KÝ TÊN: ĐOÀN-NGỌC-QUẾ**





Xong bài thi rồi thì mấy ổng trầm trồ, người cho rằng, câu văn thanh tao; kẻ nói trạng luận đối rất chỉnh. Nhưng vì nghi cho nàng ấy dối tên, nên chú tư tôi để lời mời nàng, năng đến chuyện văn chơi cho thường, hầu hỏi cho biết rõ căn cội, nàng khứng chịu. Từ ấy, mỗi đêm đều qui tụ nơi nhà anh Cao-Hoài-Sang. Trót tuần lễ, khi thì ông thân của anh Cao-Hoài-Sang về, lúc thì chú ách Đông, là anh ruột của chú tám tôi, về mà chuyện văn. Mấy ổng hỏi nhiều việc đã qua rồi, các vong cũng đều trả lời trúng hết, nhưng tôi coi ý mấy ổng chưa có lòng tin cho lắm. Cả thầy đều cho là một việc chơi cho tiêu-khiển, nên mỗi đêm mấy ổng đều có

tự nhau, vui chơi bao nhiêu đó thôi. Lâu ngày, vì thức quá mà môn lần hồi, rốt lại còn có sáu người là: ông thân tôi, chú tư Cư, chú tám Tắc, anh Cao-Hoài-Sang, Nguyễn-Tải-Thân và tôi mà thôi.

Một buổi tối thứ bảy kia, nhằm tối thượng tuần tháng Aout 1925, ba ông hiệp nhau chơi, còn ông thân tôi, vì mắc việc nên vắng mặt; còn tôi với em tôi, thì cứ theo chú tư tôi. Bữa ấy, có cô Đoàn-Ngọc-Quế về bàn, đàm luận một hồi, rồi ba ông xin kết anh em với cô. Cô bằng lòng, bèn kính:

*Chú tư tôi là Trường-ca,  
Chú tám Tắc Nhị-ca.  
Anh Cao-Hoài-Sang, Tam-ca,  
Phần cô, thì Tứ-muội.*

Còn hai anh em tôi, cô kêu bằng em cả. Đoạn cùng nhau trò chuyện. Lần hồi, chú tư tôi vì nghi cô trá tên, nên năn-nỉ hỏi cô cho đến cùng. Cô liệu khó giấu, nên tỏ thiệt là: V.T.L.

Chú tôi hỏi thăm mỗ mả, cô cũng chỉ rõ. Rạng ngày, ba ông dẫn nhau đi tìm đặng nhà mỗ của cô, rất nên đẹp đẽ, gần nơi Phú-Thọ, rõ ràng có tên tuổi cô, để trên mộ bia. Khi kiểm được rồi, mấy ông mừng rỡ chẳng xiết, bèn đứng trước mộ, khăn vái với cô, xin theo về nhà ông thân tôi nói chuyện chơi, có ý thử coi ban ngày, chừ vong có thể nhập bàn đặng chẳng?

Khi ba vị về đến nhà lối 9 giờ ban mai, thuật chuyện tìm đặng mả của cô lại cho ông thân tôi hay, đoạn đem bàn ra mà cầu cô. Thật quả, có cô đến đàm luận, rồi nhìn cái mộ mà ba ông đã đến viếng, là nơi xác của cô an nghỉ đời-dời kiếp-kiếp.

Kể từ mấy ông hiểu đặng chút ít trong việc mâu nhiệm của Trời Đất, lại có thể cầu chừ vong trong buổi bạch nhật,

thì mấy ổng càng hứng chí hơn nữa. Ngày đêm không kể đến sự mệt nhọc, ông thân tôi, thì hiệp với anh Cao-Hoài-Sang, nơi nhà tôi mà chuyện vãn với chú vong, còn chú tám với chú tư tôi, thì vây nhau nơi nhà chú tôi, cũng trong một con đường Bourdais, hai cái nhà ở ngang, trịch nhau chừng vài căn phố.

Từ ấy mấy ông đã chia nhau hai bên, hằng ngày hằng đêm kiếm tìm về việc huyền-bí, mà học hỏi với nhiều vị khuất mặt. Cách ít lâu, có hai vị Tiên-Trưởng đến làm thi văn, bên chú tư tôi thì ông Thanh-Sơn, còn bên ông thân tôi, lại có ông Nhân-Âm Đạo, cả hai nhà đều đặn mỗi bên, mười bài thi (*Thập-thủ-liên-hườn*) khác nhau.

Một đêm kia, nhằm lúc bốn ông hiệp lại, lập bàn hương-án, khẩn cầu Đức Tả-Quân. Người đã có lòng thành, nên Ngài cũng giáng vào, để một bài thi, nhưng lâu ngày tôi đã quên phức.

Lại có đêm nọ, mấy ổng vây lại, vừa ngồi vào bàn, thì có cô V.T.L. đến giáng, cô lại trình diện một người chị em theo với cô, xin vào ra mắt mấy ổng. Cô nói rằng, vị này thi-phú cũng hay lắm! Mấy ổng mừng rỡ, bèn mời tân khách giáng vào.

Đoạn người ấy tiếp vô xưng rằng:

– Em là Hón-Liên-Bạch, xin hiến một bài thi, ra mắt mấy anh, song xin mấy anh chớ nệ chi về văn chương hay dở.

Anh Cao-Hoài-Sang liền tiếp rằng:

– Tôi vừa nghe cô Vương nói rằng, thi văn của cô rất hay, vậy tôi xin ra đề. (*Ý M. Cao-Hoài-Sang chưa tin cho mấy, e vì mấy ông kia bịa đặt mà giả mạo gạt ảnh.*)

Cô liền khứng chịu, anh Cao-Hoài-Sang ngồi suy nghĩ rồi ra đề: “*Tiền biệt tình lang*”.

Cô tiếp đỡ bàn gỗ, không ngừng chút nào cả. Mấy ông ráp lại bài thi như vậy:

*Chia giường căn dặn buổi trường-đình,  
Vàng đá trăm năm tạc tấm tình.  
Bước rẽ ngùi trông cơn Ấc xế,  
Lời trao buồn nhớ lối Trăng thanh.  
Ngày chờ mây áng ngàn dâu khuất,  
Đêm bật đèn khuya một bóng nhìn.  
Lặn lựa cô phòng xuân thôn-mỏn,  
Xa xui ai thấu nỗi đình-ninh.*

Dứt bài thi, mấy ông rộ lên khen cô rằng: “Văn thiệt là quáng thế!”

Lại xin cô tiếp một bài nữa, lấy đề “Hoài-Lạng” mà làm. Cô chẳng suy nghĩ chi, cứ đề một bài rằng:

*Động-Đình nhớ buổi tạm chia đường,  
Bốn giọt nhìn nhau lối rẽ cương.  
Trời thăm mây giăng muôn cụm ủ,  
Biển sâu nước nhuộm một màu thương.  
Cờ thần chạnh lúc vầy đôi bạn,  
Tiệc ngọc nào khi hội nhứt trường.  
Mượn vận lương-nhân xin nhẩn-nhủ,  
Vườn xưa tiếng nhận luống kêu sương.*

Thật là tuyệt bút! Mấy ông khen ngợi chẳng cùng, nhờ nơi đây mà phục đặng lòng tín-ngưỡng của mấy ông chút ít nữa.

Khi khác mấy ông lại kiếm nhớ những bạn tác nào, lúc còn sanh tiền, biết làm thi mà mời về, đặng thử nữa! Đoạn nhớ đến M. Huỳnh-Thiên-Kiều, là người buổi sống giúp việc sở tuần thành, bỏ vào dinh Đốc-lý Sài-gòn, coi về sở Patentes. Người ấy, còn ai ở Sài-gòn mà chẳng biết, khi ở

thể có nhập vào Hội-Thi-Xã. Mấy ông bèn vái tên họ của M. Huỳnh-Thiên-Kiều. Trong giây lát, nhập vào bàn đề thi rằng:

*Nhấn-nhủ mấy anh một ít lời,  
 Lặng mây hôn trẻ đã xa chơi.  
 Mẹ già nỗi hiếu chưa rời đạo,  
 Vợ yếu niềm duyên chẳng trọn đời.  
 Chạnh nhớ quê xưa lòng xót-xáy,  
 Buồn trông cảnh cũ dạ bồi-bồi.  
 Ai về gởi lại tình sông núi,  
 Kiếp khác ân sinh sẽ đáp bồi.*

#### HUỲNH-THIÊN-KIỀU TỰ QUÍ-CAO

Ngày kể đó, cũng vì M. Nguyễn-Trung-Hậu, nguyên là một người bạn trong Thi-Xã-Hội với M. Huỳnh-Thiên-Kiều vì thấy bài thi bữa trước, cũng có ý không tin, nên ngày sau M. Hậu làm một bài đem đến. Khi đem bài thi đến, vái rồi đốt, đoạn mấy ông vây nhau lại ngồi, câu M. Huỳnh-Thiên-Kiều. Trong giây lát, M. Huỳnh-Thiên-Kiều vào tiếp họa bài thi như vậy:

*Một tiếng u-minh giống cửa không,  
 Phồn hoa vụt tỉnh giấc đương nông.  
 Ngồi thuyền Bát-Nhã qua tình biển,  
 Muộn nước hành-dương rưới lửa lòng.  
 Cuộc thế lạnh-lùng lẫn gió lọt,  
 Đường đời ngán-ngẫm bụi trần lông.  
 Kiếp tu xưa tiếc chưa nên Đạo,  
 Oan trái phải rồi phép Phật thông.*

#### KÝ TÊN: QUÍ-CAO

Gặp lối mấy ông đương mê thi-văn, lại có người tuyệt-bút, đến giảng vào đề một bài:

## Vịnh Xuân

*Ngàn liễu khoe Xuân cảnh rõ màu,  
Xuân nông vườn ngự vẻ thanh tao.  
Chào Xuân Ấc lỗ trăm lần rạng,  
Gheo liễu Trăng soi một sắc lâu.  
Thơ-thời cảnh hôm, hoa động ngọc,  
Êm-đềm dạo tối, cỏ đeo châu.  
Đượm bầu nhân sự Xuân qua lại,  
Khuyết bóng Xuân sang khách lưỡng sầu.*

**HỚN-LIÊN-BẠCH KÍNH HIỂN.**

Hằng đêm, hằng có chư-vị đến, mấy ống thử cũng hết sách, mà cũng nhờ vậy, mới phục đặng lòng của mỗi người. Như có một buổi, anh Cao-Hoài-Sang buồn, để một bài thi Tự-thuật, có ý than thân trách phận, sao lẫn-lóc với tình đời, tuy tuổi chưa bao nhiêu mà đã mòn-mỏi. Anh đem ra nhà cho ông thân tôi coi, và cũng muốn để cho mấy ống họa lại chơi cho vui. Nói chuyện với nhau rồi lẫn-quần cũng cầu chư-vị nữa! Vào ngồi trong năm phút đồng hồ, thì có ông thân của anh, là bác Cao-Hoảng-Ân giáng đến. Thuở bác còn sanh tiền, làm việc Tòa-Án, lại cũng có đi vùng miệt Tây-ninh, Bạc-liêu, và nhiều chỗ khác nữa. Rốt sau, lại về ở Sài-gòn rồi mới quá vãng, tôi tưởng nhiều người biết bác lắm. Khi ấy, chú tư tôi thưa với bác rằng: Sẵn dịp anh về đây, nhằm lúc Sang làm một bài thi tự-thán, cậy mấy anh em tôi họa, vậy anh họa chơi luôn thể. Ông thân tôi lại nói, anh cứ việc đề thi, dạy nói thế nào, thì anh định lấy, nhưng tùy theo vận của Từ-Thứ, mà lâu nay làng thi chịu phục là: Voi, mò, còi, roi, thoi mà làm. Dứt lời, bác Cao-Hoảng-Ân tiếp liền, chẳng đợi phút nào cả. Bài thi như vậy:

*Thuyền khơi gió ngược khá nương voi,  
Vận thoi hầu nên đã thấy mò.*

*Vườn cúc hôm nay muôn cụm rỡ,  
Rừng tùng buổi trước một cây còi.  
Hồng nương dậm gió chi sồn cánh,  
Ngựa ruổi đường hòe há nhọc roi.  
Nín năm chờ qua cơn bĩ cực,  
Thìn lòng chững có lượng đôi thoi.*

Vừa tiếp bài thi ấy, mấy ống trâm trổ chưa hết, kể gặp vị Đại-Tiên nầy, giáng đề một bài:

*Chiêu tập hồn thi bước Đạo điều,  
Nợ xưa chộp cánh nhận trông theo.  
Trời thanh khách gắng lần qua suối,  
Đêm rạng Trăng soi lướt khỏi đèo.  
Mây khỏa đánh Tần màu gió cuộn,  
Thuyền khơi sông Bích cánh buồm treo.  
Giang-san một dãy nền chung dựng,  
Biển cả chi nao ít mái chèo.*

**NHÀN-ÂM-ĐẠO**

Cách ít lâu, có cô Hồn-Liên-Bạch dẫn đến một vị xin vào ra mắt mấy ống. Gặp nhằm tiết thu, nên mấy ống cậy cô đề một bài:

### **Bi Thu**

*Im-lim cây cỏ vẫn in màu,  
Mờ-mệt vườn đào điểm sắc Thu.  
Gió dậy xao Trời mây cuốn ngọc,  
Sương lòng ướt đất liễu đeo châu.  
Ngựa vàng ruổi gió thoi đưa sáng,  
Thỏ ngọc trau gương dậm về lầu.  
Nợ nước điều-hiu Xuân vắng chúa,  
Nhìn hoa cảnh úa giục cơn sầu.*

**LỤC-NƯƠNG KÍNH HIẾN.**

Dứt bài, cô lại tiếp một bài điệu Động-Đình như sau:

*Đầm ấm cảnh Trời mai ác lỗ,  
Thơ thối đưa thuyền khổ khách chèo;  
Nhấp-nhô lượn sóng khỏa lèo,  
Luồng Đông gió tạt cánh bèo ngưng sóng.  
Một chiếc quạnh bóng hồng nháng ngọn,  
Mây đoanh non tuyết đóng nhánh thung;  
Về Nạm đổ cánh rừng tòng,  
Ngút xem tựa áng cây đông khóa rèm.  
Đường xúm-xít chị em ruỗi bước,  
Dắt-diu nhau kẻ trước người sau;  
Tìm nơi hứng giọt mưa dâu,  
Để cơn khao-khát khoe màu phù dung.  
Đờn nhẩn khách năm cung nhật trôi,  
Vẹt mây đen gió thổi chiều hôm.  
Quang-âm ngày tháng dập-dôn,  
Ngừa khi trẻ bước hoàng-hôn trở đường.  
Đường muôn dặm khách đơn thân,  
Mượn bóng Trăng lầu bước vện chân.  
Khóa kín song Thu trau hạnh đức,  
Chờ khi Đạo trọn đến non Thần.  
Non Thần tiếng hạc châu vang đánh,  
Chờ rước người ngay chánh tìm đường;  
Mơ-màng chùa tỉnh Huỳnh-lương,  
Sóng xao biển khổ nên thương khách trần.*

Nghe qua bài văn Động-Đình này, mấy ổng khen tặng chẳng cùng.

Xong mấy bài đó, mấy vị khác tiếp vào, đề mấy bài Nho như vậy:



Mỹ-Ngọc! Nghe lão:

*Hoành thượng đơn khai chí bách thiên,  
Hựu tu chương hiệp khởi tranh liên.  
Mật đài khánh nhật khinh hành định,  
Cửu tái quang minh đắc cộng niên.*

MẬT SỰ KHÁ KIỂM HIẾU.

LIÊN-HUÊ-TIÊN

*Diệu thành tâm khởi đức khai truyền,  
Đạo thức thời âm tận ký niên.  
Thiên mạng lưu hành vô tự đoạt,  
Tôn hồi cảm vị khai huyền nhiên.*

TRI THỨC.

THĂNG

*Phổ hóa hoài tâm hạ tác thành,  
Hiển khai trực thượng độ nhưn sanh.  
Bồ-đoàn linh diệu cơ huyền mạng,  
Tác ái diệt tàng cảm đắc ninh.*

THĂNG

Chư vị có ý muốn dạy mấy ông, nhưng không hiểu chi hết, mấy ông vây nhau lại bàn như thầy bói, rồi dẹp lại đó, đợi!

Qua lối thượng tuần tháng tám, chú tư và chú tám tôi tiếp đặng mấy lời của cô Vương dạy về Diêu-Trì-Cung:

Trên có Cửu-Thiên Nương-Nương cai quản.

Dưới có chín vị Tiên-Cô.

Cô Vương đây đứng về Thất-Nương, cô Hớn-Liên-Bạch là Bát-Nương, còn bảy vị khác đều có nói tên cả.

Chú tư tôi, nghe đặng lời ấy rất mừng lòng, bèn xin cô chiếu cố đến mấy ông, dạy cách nào cầu lĩnh Kim-Mẫu đến đặng. Khi ấy, Thất-Nương bèn biểu mấy vị phải trai giải ba

ngày, và tìm cho dạng Ngọc-Cơ cầu lịnh Bà mới dạng. Mấy ông không hiểu Ngọc-Cơ là chi, chú tư tôi xin cô chỉ dạy. Cô bèn vẽ hình Ngọc-Cơ, rồi giải nghĩa và dẫn rõ căn cội buổi xưa, lấy hình trạng của ngôi sao Bắc-Đẩu mà tạo thành, lại dạy cách phò Ngọc-Cơ cho mấy ông, và biểu mấy ông đặt mỗi người một bài thi dự bị. Đoạn chú tư, chú tám tôi và anh Cao-Hoài-Sang vưng lời trai giải ba ngày; và tìm mượn dạng Ngọc-Cơ y theo lời dạy.

Qua đến ngày thứ ba là buổi hẹn hò, lại nhằm tiết Trung-Thu, đúng đêm 14, rạng mặt Rằm tháng Tám. Ngoài trời thì Trăng thanh gió mát; trong nhà chú tư tôi lại dọn dẹp trang hoàng, xem vào có vẻ tinh khiết lắm.

Đúng giờ Tý, thầy đều đủ mặt. Tôi thấy chú tư tôi đã sắp đặt dọn bàn dài, rải bông lá chung quanh, phía trong bàn ngay chính giữa, để một bộ đồ trà, còn chín vị Tiên-Cô mỗi người một cái tách, sắp vòng theo bàn, hàng giữa dọn những trái cây tươi tốt, ngó vào rất lịch, tựa hình như đãi tiệc, vì chung quanh có chín cái ghế mây. Cuộc cúng nầy mấy ông gọi là: “*Phó yến Diêu-Tri*”, đến ngày nay hãy còn noi dấu lễ kỷ-niệm ấy.

Đoạn chú tư tôi đốt hương đèn lên, cả thầy đều quì lạy khẩn vái, rồi đem Ngọc-Cơ ra mà cầu. Thật quả có lịnh Cửu-Thiên Nương-Nương đến, và đủ chín vị Tiên-Cô, mỗi vị đều giáng cơ chào mừng mấy ông. Khi ấy, Thất-Nương xin ba ông đờn, rồi mỗi người ngâm bài thi của mình làm, dạng hiển lễ, còn lịnh Bà và Cửu Cô an vị mà nghe. Chừng nhập tiệc, Thất-Nương lại mời ba ông ngồi chung vào cho vui. Cũng tội nghiệp cho mấy ông, vì e thất lễ nên không dám. Rốt việc, ép uống quá, mấy ông liệu thế khó chối từ, mới đem ghế thêm, sắp sau lưng chín cái ghế nọ, ba ông xá rồi ngồi xuống.

Tôi dòm thấy mấy ông cũng bắt tức cười, nhưng không dám nhích mép, cứ đứng khoanh tay hầu mà thôi.

Cách chừng nửa giờ, chú tư tôi lại tái cầu. Lịnh Nương-Nương và chín vị Tiên-Cô để lời cảm tạ chẳng cùng, lại hứa rằng: “*Từ đây đã có Ngọc-Cơ rồi, thì tiện cho Diêu-Tri-Cung Cửu Cô đến mà dạy việc*”. Đêm ấy, mấy ông thức cho đến 3 giờ khuya mới nghỉ.

Kể từ ngày ấy, bên kia thì chú tư tôi hiệp với chú tám tôi, thường hay cầu Ngọc-Cơ mà học hỏi. Còn bên này, ông thân tôi với anh Cao-Hoài-Sang, thì vẫn còn sai bàn. Cả hai bên hằng đêm, đều có chư Tiên đến dạy văn chương thi phú nhiều điều, như là Động-Đình, Liên-Phong, tôi chưa từng thấy, mà nhứt là chú tư tôi, hay có tánh lục lạo, hỏi đon nhiều điển-tích cao xa, và nhiều điều hóa-học bí mật, theo ý tôi tưởng, nếu không phải là bậc Tiên-Thánh thì đâu bậc cao học nào, trong thế gian này, cũng chưa hề thấu đạt.

Lần hồi khi chú tư tôi khỏe thì phò Ngọc-Cơ, lúc mệt lại sai bàn. Một đêm kia, thoát có một vị Đại Tiên đến, không xưng tên chi, cứ lấy ba chữ đầu “*A, Ấ, Ầ*” làm hiệu, dìu-dẫn. Ban đầu thì dạy thi phú, điển tích, rồi lần qua việc Đạo, ấy là bên chú tư tôi. Còn bên này, ông thân tôi với anh Cao-Hoài-Sang, một ngày nọ lại tiếp một vị Tiên-Cô nơi Diêu-Tri-Cung, giảng vào bàn xưng là “*Thanh-Tâm Tài-Nữ*” cho một bài văn điệu “*Liên-Phong*” như vậy:

*Mượn nguồn đạo-đức khỏa màu trần,  
Luyện thể ngày qua khó kịp Xuân.  
Bến khổ trương buồm thuyền đợi khách,  
Non Tiên trở cánh hạc chờ Xuân.  
Xuân mờ mệt bao nhiêu cảnh ử,  
Cụm rừng tòng lá xử, tranh sầu.*

*Biết bao mấy nổi tang đau,  
Bóng Trăng kia đã đứng đầu tuổi xanh.*

*Xanh vàng ngọn cỏ trái mồi oan,  
Oan trái trả vay khách nhộn-nhàng.  
Nhàn cảnh mấy ai tìm đến chốn,  
Chốn bi-ai luống nhọc-nhần than.*

*Than rằng: Cõi phù sanh nháy mắt,  
Trăm năm đâu biết chắc rủi may.*

*Đua tranh sánh của so tài,  
Của tài phải sạch đường dài thoát qua.*

*Gắng lo xa.....*

Tôi thấy mấy ổng như vậy, tôi bắt chước. Một bữa Chúa nhựt kia, ông thân tôi đi khỏi, tôi với em tôi là Nguyễn-Tải-Thân khiêng bàn ra, lối chín giờ ban mai, hai đứa ngồi, cũng úp bốn bàn tay lên, tịnh trí, giây lâu có em tôi nhập về bàn xưng là: “*Cao-Quyển-Lượng*”.

Anh em mừng rỡ nhau, nói nói cười cười, tôi ngụ ý muốn thử coi chơn giả thế nào, tuy tôi đã theo mấy ổng lâu rồi, nhưng đức tin chưa trọn; bèn nói với em tôi rằng: “*Thầy và chú tư mình, khi ông nội sanh ra, đều có đặt hiệu Mỹ-Ngọc, Bội-Ngọc là vì nội biết chữ Nho. Tôi phiên thấy mình sanh ra, phần thì thấy học tinh những chữ Tây không, làm cho cả hai đứa không có chi hết (dốt quá). Em có thể nào, kiếm cho qua một danh-hiệu chăng?*”

Em tôi liền đỡ bàn gõ, tôi tiếp sắp hai chữ: “*Ngươn-Ngọc*”. Tôi lại cậy em tôi cắt nghĩa cho tôi rõ, thoảng như có người hỏi đến, mà tôi nói cho thông (cũng sợ người ta chê dốt nữa!). Em tôi liền giải rằng:

*“Đời nhà Ngươn có báu vô giá trị.*

“*Điện-tự: Vua Ngươn khai ca nhiều trận, chư Hầu khiếp vía, Bắc-vương kiên oai, cống sứ cho Trung-Quốc một hột ngọc-điệp, trong đời ít có. Khi đem phơi ngọc ấy ngoài nắng, tất nhiên chiếu nhiều màu, thiên ám địa hôn; người khát nước, ngậm vào miệng, dường như ngậm búng nước lã, mà hết khát. Còn nhiều điều quý nữa, song kể không hết. Bởi có đó, nên có câu: “Ngươn-Chiêu-Đế hữu bửu ngọc, nay trích trong câu văn ấy, mà lấy hiệu Ngươn-Ngọc”.*

Đặng cái hiệu và lời giải ấy, khi ông thân tôi về, tôi thuật lại cho ông nghe. Ông cắt nghĩa rành rọt, tôi mới hiểu rõ rằng, cả dòng họ Cao-Quỳnh, danh-hiệu đều do nơi bộ Ngọc; chừng ấy, tôi mới có chút đức tin, là vì nơi đó. Lại cũng vì những thi, phú, lối, sau nữa...

Tôi còn nhớ một ít bài, theo điệu văn Liên-Phong, ông thân tôi với anh Cao-Hoài-Sang, tiếp của chư Tiên như vậy:

*Rảnh nợ thế rùng thung vui thú,  
Chiêu hứng nghe vượn hú chim chiền.  
Một ngày thông-thả là Tiên,  
Suối trong rửa sạch não phiền trần gian.  
Vòng cương-tỏa buộc ràng danh-lợi,  
Chốn hí-trường lui tới lãng-xãng.  
Phép quan luật nước thúc dần,  
Đỉnh chung rớt cuộc mơ-màng chiêm bao.  
Đâu là thấp đâu cao phẩm thế,  
Nhục vinh kia ai để trọn đời.  
Cõi trần kiếp sống mấy hơi,  
Phủi tay chút đã châu rơi ngọc trầm.  
Hỡi ai là khách tri-âm....*

H.M.

*Liệu mà dạy trở bước thang Xuân,*

Một dặm đường qua Đạo một gần.  
Sóng dậy tang thương hồng chích cánh,  
Trời điều thưởng phạt họa đồng cân.  
Cân Thiêng-Liêng chất đồng tội phước,  
Gặp thời tua vẹn được trọng nhân.  
Địp may dễ có mấy lần,  
Đò đường đến chốn non Thân mới hay.  
Hay biết Đời sao, Đạo lại sao?  
Hay gần cửa Thánh bước lần vào.  
Hay tìm nẻo chánh, tà xa lánh,  
Hay tập thanh-cao, chí mới cao.  
Cao khôn vói, thấp nào để bước,  
Khó mà lần đến được mới mau.  
Chỉ mảnh rỗi khá lo âu,  
Liều chơn thoát khỏi vực sâu sau này.

**T.T.T.N. HIỂN.**

Nhàn du bạch dạ tuyến phong đình,  
Ấm tăng diệt kỳ chiếu dấu tinh.  
Chơn tịch quyền khai Thiên vị đắc,  
Nhơn bang hữu cộng liệt trần đình.  
Rèm gió đêm trăng bóng rạng thanh,  
Nghêu-ngao non Túy thú riêng mình.  
Thu về hứng cảnh đôi bầu cúc,  
Hạ đến vui sen mấy tiệc quỳnh.  
Nhàn dạo vãn-vơ theo Nhật-Nguyệt,  
Rảnh ngồi chãm-rãi tụng Huỳnh-Đình.  
Tranh đua giữ sạch lần phi-thị,  
Gặp buổi giang-hồ vói chúng-sinh.

**N.A.Đ.**

Một bài văn của Quan-Thánh Đế-Quân cho một người

Đạo-hữu vì ít biết tiếng Việt-nam, nên xin Ngài cho chữ Langsa:

*L'homme a ses maux, le roseau a ses plaintes,  
De ta destinée a pris soin le Créateur,  
En te préservant de la vie toutes contraintes,  
En semant à tes pas, espoir et non malheur,  
À l'horizon lointain, déjà l'astre du jour,  
Commence à décliner, ne perds pas de temps,  
Pour qu'à ce séjour si beureux sois de retour.  
Purgatoire accompli et esprit sans tourment,  
Prôlant souventes fois les sombres nuages,  
À perdre ton éclat, ton étoile est prête,  
Mais une main divine à ton avantage,  
D'un geste enchanteur dissipe la tempête.  
Pour des entreprises lointaines, tu n'es pas fait,  
Restes à ton sillon, ton compte est arrêté.  
Le bonheur bien conçu n'est-il pas le plus vrai?  
Réserve ces faveurs à ta postérité.  
Profite de ton présent, fais ta vie à venir,  
Répare tes erreurs passées, sois bon père.  
Marche vers le chemin de Dieu sans ralentir,  
La vie a des ailes, elle n'est qu'éphémère.  
Tâche de me comprendre.*

THĂNG.

Thuật đến đây, M. Đức nói rằng: Còn nhiều lắm, nhưng tôi không nhớ hết.

Còn bên chú tư tôi, khi vì Đại-Tiên hiệu A, Ǻ, Ǻ giáng mà dạy Đạo, một ít lâu, bữa nọ, Ngài nói với mấy ông rằng: Nếu muốn cho Ngài, để tận-tâm truyền đạo-lý, thì thầy đều phải kính Ngài làm “Thầy”, mới tiện bề đối-đãi nhau.

Chú tư tôi nghe vậy, thì lại càng mừng lắm, liền vưng chịu mà thọ giáo với Ngài. Nên từ đây, hễ Ngài có giảng cơ thì cứ xưng là “*Thầy*”, rồi chào lại “*Các con*” mà thôi.

Đêm kia, nhằm 24 Décembre 1925, mấy ổng cũng hiệp nhau lại, cầu Ngài mà học Đạo, nhưng Ngài không đến. Một chập lâu, Thất-Nương giảng vào nói rằng: “*Rất mừng vui*”. Mấy ổng không hiểu chi cả, bèn tiếp hỏi Cô: “*Mừng việc chi?*”

Cô trả lời rằng: “*Đêm nay là đêm kỷ-niệm của Thầy giảng sanh, trong hai ngàn năm trước, mà khai Thánh-Giáo nơi miền Thái-Tây; nên giờ này, Thầy đương hội chư Phật, Tiên, Thánh, Thần dự lễ, mà không đến đặng cùng mấy anh. Vậy mấy anh nên cầu nguyện cho cả bá tánh, trong đêm lành này, rồi nghỉ. Bữa khác, Thầy sẽ đến dạy việc cần yếu*”.

Nghe Thất-Nương nói đến đó, thì hồn vía của mấy ổng đã bay bổng lên mây cả. Nửa mừng, nửa sợ, mừng là mừng vì đặng Chúa Thánh dạy khuyên, còn sợ là sợ nổi bấy lâu, vì không biết Ngài, mà e lúc trước có nhiều khi thất lễ. Xong việc mấy ổng tan ra, bàn bàn tính tính cho đến canh khuya mới lui nhau về nghỉ.

Qua đêm sau, mấy ổng hiệp lại, lập hương-án (*bữa nay áp quỳ lại thầy thầy*) cầu Ngài đến. Ngài giảng vào cơ mà chỉ-dẫn:

“*Từ buổi Hồng Mông, nhứt khí Hư-vô phân Lưỡng-Nghi, sanh Tứ-Tượng, chia Bát-Quái, rồi mới biến hóa Nhứt, Nguyệt, Tinh-tú và 72 Địa-cầu, mà tạo thành Càn-Khôn Thế-Giới*”.

Ngài lại giải rằng, lúc khí Hư-vô sanh Lưỡng-Nghi:

“*Dương-khí thăng lên, biến ra Ngài; Âm-khí hạ xuống, biến ra Kim-Mẫu Nương-Nương*”.



Nghe đến đó, mấy ổng mới biết Đấng ấy là “*Huyền-Khung Cao-Thượng-Đế*”, đã tá phàm gian nhiều khi rồi, mà dìu Đạo nơi Á-Đông, lại giảng-sanh khai Thánh-Giáo miền Thái-Tây nữa. Nay vì đã rớt cuộc tuần hườn, trong cõi Dinh-hoàng, thì giờ đã cùng tận lối Hạ-Ngươn nầy, nên Ngài đến hoàng-khai Đại-Đạo, chuyển các Tôn-Giáo lại, mà dìu-dẫn lần chót. Ấy cũng bởi Ngài thấy cả sanh-linh, đã lưỡng theo thể-tình, mà quên phức nguồn cội.

Trước mặt ba vị: Cao-Quỳnh-Cư,  
Phạm-Công-Tắc,  
Cao-Hoài-Sang.

Ngài hỏi rằng: “*Thầy muốn dùng các con mà khai Đạo, các con có dám lãnh trọng-nhậm ấy chẳng?*”

Mấy ổng bạch rằng: “*Trong các con từ bé chí trưởng, chẳng thông Đạo-lý chi, duy nhờ Đức Chí-Tôn dạy bảo bấy lâu, thì sự biết, chưa đặng trong muôn một, e cho chẳng xứng đặng, mà lãnh trách-nhậm lớn lao ấy*”.

Ngài nói rằng: “*Chi chi có Thầy gần bên các con, miễn là các con khứng chịu, gắng để trọn tấc lòng, thì chẳng hề chi*”.

Mấy ổng vưng chịu, và xin Ngài chỉ bảo cách thức, đặng thờ Ngài. Ngài lại dạy mấy ổng phải đến ông Phủ Chiêu, là người có thờ Ngài đã lâu rồi; lại dặn mấy ổng, chừng nào đi phải đem theo Ngọc-Cơ, đặng Ngài giảng, mà chỉ dạy thêm trong cách thờ phượng.

Mấy vị vưng mạng lệnh, tìm đến hiệp với ông Phủ Chiêu. Nhưng nghe rằng, ít tháng sau, vì không khứng nạp dụng những Đạo-hữu tới lui rần-rộ, trái tôn-chỉ Đạo của ông, là phải tịnh-dưỡng mà thôi, nên ông Phủ Chiêu thối bước từ buổi ấy.

Lúc-thức đã gần cuối năm, Đức Chí-Tôn lại dạy ba vị, phải ăn chay trước ba ngày, đặng chí đêm 30 tháng Chạp năm nọ là Ất-Sửu, đợi đúng giờ Tý, là đầu ngày của năm Bính-Dần, mỗi người thắp ba cây nhang, ra quì nơi ngoài Trời, thành tâm khẩn vái, vọng thiên cầu Đạo, và thề rằng: “*Nếu chẳng tận-tâm lo vun đắp nền Đạo, thì Ngũ-Lôi tru diệt*”. Mấy ông đều vững chịu, rồi cả thầy đều thi-hành theo lời dạy.



Hình vẽ ba Ông Cự, Tắc, Sang lập bàn thờ Vọng Thiên cầu Đạo

Khi mấy ông khẩn vái xong rồi, thì vào nhà phò loan cầu Ngài, hầu coi có điều chi dạy bảo chẳng?

Đức Chí-Tôn giảng dạy như vậy:

*Thầy cho các con hiểu rằng: Buổi tạo Thiên lập Địa, Thầy sanh loài người ra, nhằm ngày Dân “Nhân sanh ư Dân”. Vậy từ đây, Thầy dùng các con, làm tay chơn, mà gây dựng nền Chánh-giáo. Lại cũng kể ngày nay là ngày phát khởi nguồn Đại-Đạo, lấy hiệu Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ, còn Ngài thì Tá-danh Cao-Đài Tiên-Ông Đại-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát.*

Rồi Ngài giải rõ rằng: Trong danh-hiệu của Ngài, gồm đủ Tam-Giáo: Nho, Đạo, Thích. Nên **Đại-Đạo Tam-Kỳ khai nhằm giờ Tý, ngày mồng một, năm Bính-Dần** là do nơi đó.

Vài ngày sau, Đức Chí-Tôn mới sai chú tư và chú tám tôi vô Chợ-lớn, cũng dạy đem Ngọc-Cơ theo, rồi Ngài giảng mà độ dẫn ông Lê-Văn-Trung, là cựu Hội-Đồng Thượng-Nghị-Viện, rồi lần lần đừ tới mấy vị khác nữa.

Cách ít lâu, tôi thấy chú tư và chú tám tôi, nhờ Cơ-bút mà biết nhiều việc cao xa, lại vưng mạng lệnh gây ra mối Đại-Đạo Tam-Kỳ, còn ông thân tôi và anh Cao-Hoài-Sang cũng tiếp theo nghề Đông-Tử, mà điều-dẫn chúng sanh, trót triệu người nhập-môn cầu Đạo. Đức Chí-Tôn lại định cho chú tư tôi phải xin thôi làm việc; còn chú tám tôi thì xin nghỉ đỡ ít lâu. Cả hai người về trí nơi hương Đông miệt Tây-Ninh, mà lo vun đắp nền Thánh-Giáo. Còn phần ông thân tôi và anh Cao-Hoài-Sang thì về miền Tây. Lại có một cặp loan khác nữa là M. Nguyễn-Trung-Hậu và M. Trương-Hữu-Đức, lo việc phổ-độ miệt Trung-ương.

M. Đức thuật đến đây thì tôi liền tiếp hỏi ảnh rằng:

– Nếu vậy thì Đại-Đạo Tam-Kỳ khai ra, là nhờ nơi Cơ-bút, chớ không phải bắt chước ai, theo như lời truyền ngôn của những người công kích Đạo đó sao?

– Không phải đâu! Nguồn cội của Đại-Đạo, do nơi Cơ-bút của mấy ống mà ra. Thậm chí, cho đến kiểu võ áo mào, thước tắc và màu áo của các Chức-sắc mặc, nào là khăn mảy lớp, áo mảy dải, thì cũng tùy Cơ-bút mà thôi, chớ nào ai hiểu biết đặng. Nhưng người muốn kích-bác, trước khi luận việc chi, họ chẳng chịu để tai mắt, xa nghe cận thấy, lại cũng vì lòng ố Đạo, nên hễ họ vừa lóng lời sao khẩu, thì vội

bình-phẩm liền. Sơ tâm cho đến thể, mà họ vẫn cứ tưởng mình là cao kiến hơn cả triệu sanh chúng; vậy sao gọi bực lâm-thức tình đời.

Như lúc sau, có mấy vị trong Bát Tiên, đến dìu-dắt mấy ông, có để những lời vàng ngọc này, anh nghe thử coi thể nào, rồi sẽ luận sự chơn giả:

*Đại hỉ chú Đạo-hữu*

*Trời đất riêng tay giữ một bầu,  
Ngàn mây dậm gió gót chơn trâu.  
Rừng tòng thông-thả nhàn ra đạo,  
Đền Ngọc thung-dung rảnh đến châu.  
Thoát tục sớm diu nên bảy bạn,  
Dẫn phàm nay rảo khắp Năm Châu.  
Thế trần mừng gặp Tam-Kỳ Độ,  
Biển khổ thuyền đưa khách lánh sầu.*

**LÝ-NGŨNG-DƯƠNG**

*Chú Đạo-hữu may mắn thay, gặp đường Chánh-giáo, chớ dần-dà, trẻ công thiếu quả, mà chẳng đến thang Thiêng-liêng kịp thì hội vị. Lão mong ngày Đạo khai hoàn, chú Đạo-hữu nên gắng sức. Đường cũng chẳng bao xa, miễn hiệp đồng nhứt tâm vì sanh chúng, sau còn ngày gặp-gỡ.*

*Thăng*

*Rảo khắp non sông dậm trái qua,  
Bì gương Nhứt Nguyệt tác không già.  
Biển trần nay gặp kỳ diu chúng,  
Muôn dậm đèn soi đã có ta.*

**HỚN-CHUNG-LY**

*Chú Đạo-hữu, Đức Chí-Tôn diu bước, cả Tiên-Phật dẫn đàng, há chẳng sớm lánh phồn hoa, đặng dôi-dào gương*

độ chúng. Hưởng chi, chừ Đạo-hữu đã có quả nơi mình, lại chẳng vì mạng lệnh Đức Từ-Bi, mà chịu ít lâu khổ hạnh, hầu mong buổi đoạt phẩm-vị Thiêng-liêng sao?

Ước mong ngày hội ngộ, trông mong buổi tác thù, rượu Thánh ra non dòm thế, cờ Thần dựa đánh luận đời. May thay! Vui thay! Chừ Đạo-hữu nên gắng sức!

Thăng

Riêng vui Nguyệt chiếu sắc trong ao,  
Đền Ngọc từng khi để bước vào.  
Rạnh hứng trăm hoa khoe Đảnh-Ngự,  
Nhàn vầy mấy bạn dự Bàn-Đào.  
Độ đời rảo gót non sông lướt,  
Cứu thế dìu nhân đạo-đức trau.  
Chờ buổi tuần hườn Thiên Địa trở,  
Nương gương Thần huệ một vừng cao.

LỮ-ĐỘNG-TÂN

Hỉ chừ Đạo-hữu, Đạo gặp kỳ phổ-độ, khá biết cải thế thì. Đạo khả trọng, đức năng trau.

Đời đời đời, Đạo chờ người. Khách tục nương thuyền độ, non Tiên tiếng khánh đưa, gắng nhọc thế lọc-lũa, tìm đường ngay thẳng-rắng. Nguồn rửa bợn nhiều đường cay đắng, bước nâu sông dậm lấm gay go. Liệu sao khỏi trẻ con đồ, mới thoát vòng khổ hải. Gắng sức vì sanh mạng, lao tâm chớ sợ bởi căn xưa. Đường quanh co, bước khá ngừa; nẻo hiểm trở, chơn nên lánh.

Hậu tải ngộ. Thăng

Từng vào non Thánh lại đèn vàng,  
Mãn quả sớm nhờ sắc ngọc ban.  
Lặn hạc tu tâm thìn nét Đạo,  
Biển trần độ chúng vững con toàn.

*Cuộc cờ chung hứng nơi rừng thẳm,  
Bầu rượu riêng vui với cột tàng.  
Gặp lúc dầu đời qua bến tục,  
Để công phải nhọc đến phàm gian.*

LÂM-THẾ-HÒA

*Hỉ chữ Đạo-hữu, Đạo gặp lối quanh co, khá biết giữa  
vực thẳm, gắng sức cho tròn trách-nhậm lớn lao của Đấng  
Chí-Tôn phú thác.*

*Chữ Đạo-hữu khá biết. Thăng  
Trương kỳ bạch động mộ Tiên gia,  
Quả diệu thâm trì tác trí kha.  
Lão được độ sanh tiên tự khởi,  
Hiển trần tu thức trực ninh tà.*

*Ách nước nạn dân, số Trời đọa thế. Vòng vay trả, mới  
buộc ràng; nếu có tai mắt rộng xa, tự hỏi vì đâu nông-nõi?*

*Đạo Trời gỡ nạn, chuông Thánh truy hồn, bến khổ vớt  
khách chìm, non Thân chờ kẻ lạc; mà cũng còn khư khư nắm  
chắc miếng đỉnh chung, cấp-cúm giữ đầy lòng như bợn. Đạo,  
Đời đều chẳng trọn, phương chi tìm chốn thoát lao lung. Ngánh  
lại cuộc giả của trò đời, mà thương đau cho trẻ dại. Lăn-lăn  
lựa-lựa, ngăn-ngăn ngờ-ngờ, đũa trí gạt phường ngu, lũ khôn  
ăn đám dại. Cười.... Thăng*

\*\*\*

Ấy là những lời khuyên Đạo của năm vị Đại-Tiên, làm cho mấy ông thêm lòng tín-ngưỡng, nên để hết sức chung lo, gánh vác nền Đạo. Lăn hồi gây dựng đặng vững-vàng, phục tâm đặng nhiều trang có trí-thức rồi, thì chia nhau kẻ giúp việc trong, người lo bề ngoài, mà làm cho đồ sộ thêm nữa.

Lật-bật đã vài năm, tôi mắng lo làm việc, sớm đi tối

về, thường thấy ông thân, và bà thân tôi đi phổ-độ hoài, e khi già yếu mỗi mệt; nên tôi mới khuyên lơn ông bà ở nhà nghỉ, hầu dưỡng tinh-thần. Ông lại rầy, và cắt nghĩa cho tôi rõ chút ít về việc Đạo. Ông nói với tôi rằng: *“Cốt chỉ họ Cao-Quynh ta đây, tuy là lãn-lộn nhiều ít nơi thế mặc dầu, chớ vẫn là người, phải hiến-thân cho Đại-Đạo, dầu cho con ngày sau cũng vậy, con không thấy chú tư con sao? Nay đã giải đường hoạn lộ, đem mảnh hình hài vun đắp nền Đạo, đã lập thành một Tòa Thánh-Tổ; nào là trẩy gốc ven đường, cắt nhà ngang dẫy dọc, nơi một miếng rừng 150 mẫu, trước kia cây cối phủ che, mà nay đã gẫn thành khoảnh. Lập nên công lớn với Đạo, mà cũng bỏ ích cho Đời nữa! Bây giờ, phận thấy vì mắc ràng buộc thế sự, nên công-quả chưa được toại lòng, thế thì thấy có khứng, nằm ngồi nơi nhà, ăn no ngủ kỹ, mà ngắm thế sự cho đành đầu. Khi nào con xin nghỉ làm việc ít ngày, thấy sẽ dắt con đến đó, coi cho thấy những công việc đồ-sộ của chú tư con làm, rồi con mới biết cho thấy, công linh như vậy là có chi đâu!”*

Nghe ông thân tôi tỏ mấy điều, và cắt nghĩa tình-hình đời cho tôi hiểu, làm cho tôi hết dấm ngăn cản ông nữa! Từ đó đến nay, tôi dòm coi ý ông, đã chán-ngán tình đời, ông với bà, đều ăn trường chay, còn việc nhà ít hay quảng tới.

Đó là điều tôi thuật sơ cho nghe mà thôi, còn việc cao xa về Thánh-giáo, tôi không nhớ mà nói cho hết.

Nghe dứt câu chuyện của ảnh, dường như tôi thức tỉnh chiêm bao, mới biết là việc của Trời Đất làm ra, chớ sức người đâu có đặng. Rất đổi là các Thánh xưa khai Đạo, tôi hằng coi sách có lần nào thạnh-hành như buổi nầy đâu. Tuy nghe ảnh nói vậy, song còn muốn thấy hiện-diện, cho biết rõ nguồn cội thêm. Tôi cậy ảnh, nếu chừng nào ông thân ảnh đi, thì xin ảnh dìu-dẫn tôi theo coi thử.



Cách ít lâu, gặp lễ nghỉ đặng ba ngày, ảnh cho tôi hay, rồi đê-huê ra đi. Khi đến Tòa-Thánh, M. Đức dắt tôi vào lạy nơi đại điện, đoạn ảnh chỉ mấy cốt thờ nơi Bát-Quái-Đài, mà cắt nghĩa cho tôi nghe: Phía trên có dựng một trái Càn-Khôn có vẽ Thiên-Nhân, và đây những Tinh-tú, ấy là thờ Đấng Tạo-Hóa, chủ quyền chấp-chường cả Càn-Khôn Thế-Giới, vì Ngài là vô vi, không có hình ảnh nên không lên cốt. Duy có Thiên-Nhân, tựa ra mà chỉ rằng, Ngài soi khắp mọi nơi, dầu cho đôi vầng Nhật-Nguyệt và các vì Tinh-tú, cho đến các Phật, Tiên, Thánh, Thần cũng trong tay Ngài mà thôi. Tôi lại thấy trong lòng trái Càn-Khôn, có thấp một ngọn đèn, tôi liền hỏi ảnh. Ảnh cắt nghĩa rằng: “*Ấy là ánh sáng của Đạo đương khai, cũng nên gọi là Hồn của cả sanh linh, nơi trái cầu sáu mươi tám này, đứng trong hàng Thất-thập-nhi địa*”.

Kể đó, ảnh chỉ các cốt như là:

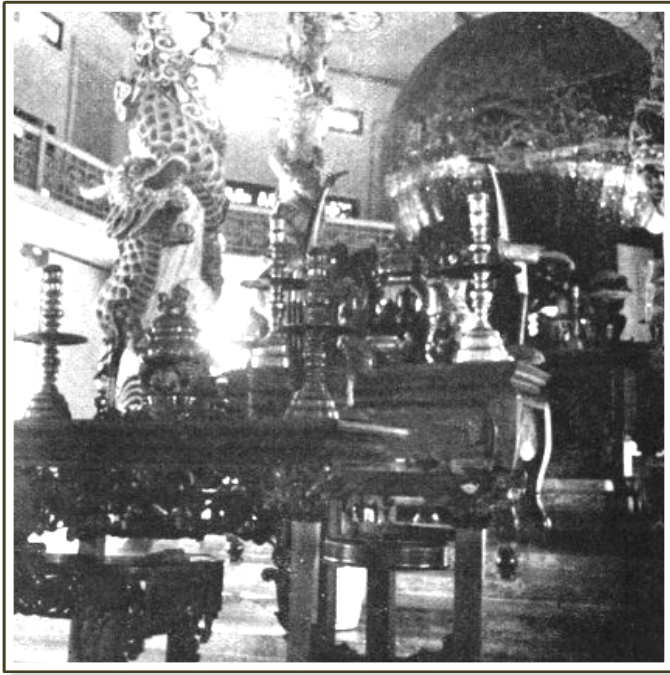
*Đức Thích-Ca, khai đạo Phật,  
Đức Lão-Tử, khai đạo Tiên,  
Đức Chúa Jêsus Christ, khai đạo Thánh,  
Đức Khương-Thái-Công, khai Bảng phong Thần,  
Đức Khổng-Phụ-Tử, khai đạo Nho.*

Lại chỉ cốt Đức Phật Quan-Âm Bồ-Tát, Đức Lý-Thái-Bạch và Quan-Thánh Đế-Quân mà nói rằng: “*Ấy là ba vị Phật, Tiên, Thánh thay mặt cho Tam-Giáo, diu Đạo kỳ Hạ-ngươn này, giúp sức cho Đức Cao-Đài Thượng-Đế, tức là Giáo-Chủ, đứng chủ quyền nên Đại-Đạo Tam-Kỳ. Ngài đủ quyền thiêng-liêng mẫu nhiệm, mà qui nguyên các Tôn-Giáo lại hiệp nhứt mới đặng*”.

Ảnh lại chỉ phía dưới hết, có bảy cái ngai, là ngôi vị thiêng-liêng của Đức Giáo-Tông, ba vị Chưởng-Pháp và ba vị Đầu-Sư, thuộc về Nhơn-Đạo. Nhưng sắp ở đó, chớ không



ai ngồi, duy có đặng toạ-vị trong mỗi khi Đại-hội Chức-sắc mà thôi.



**Hình chụp quả Càn Khôn nơi Tòa Thánh**

M. Đức nói rằng: Trong đền thờ, các Đấng ấy là người đã có công khai sáng Đạo, từ buổi tạo Thiên lập Địa đến giờ, hiệp lại mới gọi:

Tam-Giáo là: **Thích – Đạo – Nho**

Mà cũng gồm về:

Ngũ-Chi Đại-Đạo là: **Phật-Đạo,  
Tiên-Đạo,  
Thánh-Đạo,  
Thần-Đạo,  
Nhơn-Đạo.**

Viếng nơi Bát-Quái-Đài (*đại-điện*) rồi ảnh dặt tôi trở

ra khoảng giữa rộng dài, mà cắt nghĩa với tôi rằng: Đây gọi là Cửu-Trùng-Đài, nơi của Ba-ngàn-một-trăm-mười-hai Chức-sắc. Đẳng cấp như vậy:

1	vị <b>Giáo-Tông</b>	( <i>Pape</i> )
3	vị <b>Đầu-Sư</b>	( <i>Cardinaux</i> )
36	vị <b>Phối-Sư</b>	( <i>Archevêques</i> ) nhưng có 3 vị Chánh đặng thay mặt cho 3 Đầu-Sư, còn 33 vị kia là Phó.
72	vị <b>Giáo-Sư</b>	( <i>Evêques</i> )
3000	vị <b>Giáo-Hữu</b>	( <i>Prêtre</i> )

Cộng là **3112** vị.

Nên Đức Cao-Đài Thượng-Đế gọi là:

Nhứt **Phật**  
 Tam **Tiên**  
 Tam-thập-lục **Thánh**  
 Thất-thập-nhị **Hiền**  
 Tam thiên **Đồ-đệ**

là vậy đó, cả thầy đều chia ra làm Tam-phái, mặc Thiên-phục ba sắc khác nhau.

*Sắc vàng gọi là Thái-Thanh về Phật-giáo,  
 Sắc xanh gọi là Thượng-Thanh về Tiên-giáo  
 Sắc đỏ gọi là Ngọc-Thanh về Nho-giáo.*

Duy có Đức Giáo-Tông thì mặc áo trắng có thêu Bát-Quái và mào trắng gọi là “*Mitre pontificale*” mà thôi. Ấy là người làm đầu của 3111 vị kia. Lại còn Lẽ-Sanh, cũng đủ Tam-phái gọi là: Elèves-Prêtres, nhưng vô số (*Nombre illimité*) vì chưa đứng vào hàng Chức-sắc.

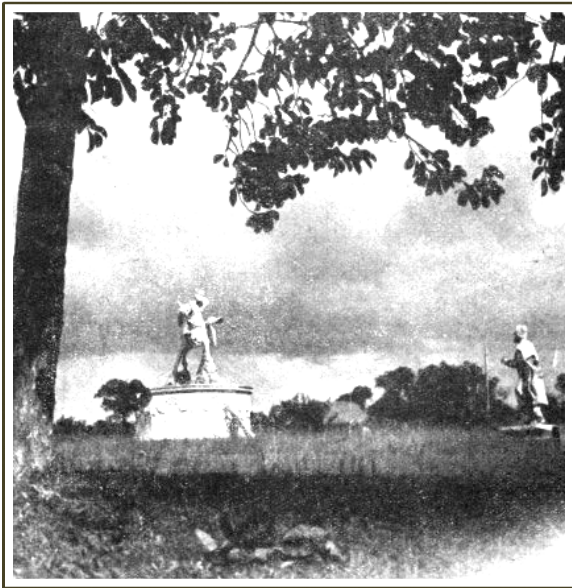
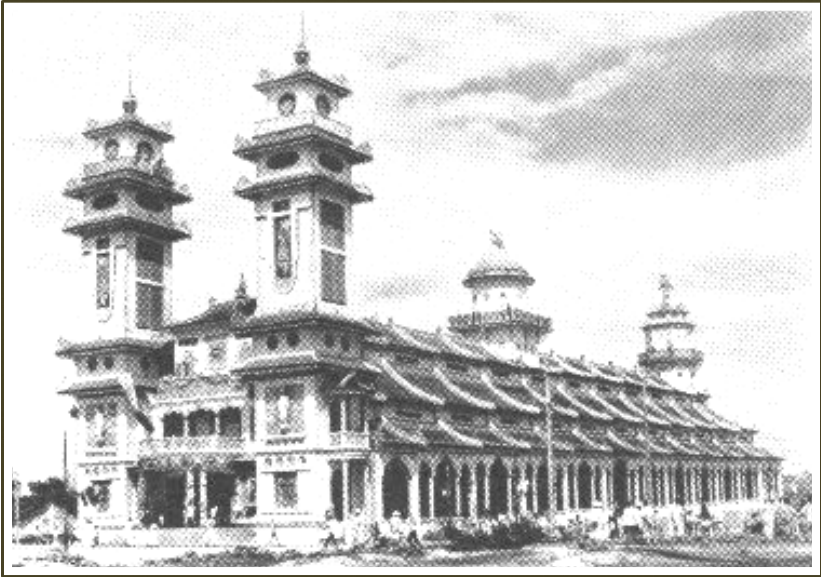
Coi nơi đó rồi, ảnh dẫn tôi ra phía ngoài xa, thấy hai bên có lầu chuông và lầu trống, lại có thang leo lên, gặp một khoảng rộng-rãi ngay chính giữa, ảnh nói rằng: Đây là Hiệp-Thiên-Đài, Chức-sắc nơi này Chí-Tôn sắp đặt chưa hoàn-toàn, vì Đạo mới khai, nên vào chưa đủ số, duy có 21 vị, đẳng-cấp như vậy:

		HỘ PHÁP				
		THƯỢNG PHẨM			THƯỢNG SANH	
BẢO HỌC QUÂN	BẢO VĂN QUÂN	BẢO-ĐẠO	BẢO-PHÁP	BẢO-THẾ	BẢO SANH QUÂN	BẢO CÔ QUÂN
		HIỂN-ĐẠO	HIỂN-PHÁP	HIỂN-THẾ		
		KHAI-ĐẠO	KHAI-PHÁP	KHAI-THẾ		
		TIẾP LỄ	TIẾP-PHÁP	TIẾP-THẾ	TIẾP Y	

Vị Hộ-Pháp là người Chương-Quản Hiệp-Thiên-Đài, cũng như vị Giáo-Tông bên Cửu-Trùng-Đài, cốt chỉ để gìn giữ luật-lệ, và nắm các bí-pháp của Đạo, lại phải bảo-hộ mấy chi dưới kia đặng làm cho tròn phận-sự.

▪ **PHÍA HỮU:**

- **Thượng-Phẩm**, là vị để bảo-hộ, sắp đặt phẩm-vị cho cả Đạo-hữu đã nhập-môn, từ Chức-sắc cho đến Tín-đồ, về chi Đạo.
- **Văn-Pháp-Quân**, là vị để bảo-hộ Văn-chương và Kỹ-nghệ cho cả nền Đạo, về chi Văn- pháp (*Arts & Belles-letters*)
- **Bảo-Học-Quân**, là vị để bảo-hộ Ty Giáo-dục cho cả nền Đạo, về chi Giáo-huấn.



Cốt Phật Thích Ca cỡi ngựa và Ông Xa Nặc dựng phía sau

## ▪ PHÍA TẢ:

- **Thượng-Sanh**, là vị để bảo-hộ cho cả sanh linh, dạy-dỗ đủ tư-cách đặng đem vào nền Đạo, nếu có điều chi sai trái luật Đạo, thì người lại phải xem-sóc; về chi Thế.
- **Bảo-Sanh-Quân**, là vị để bảo-hộ về khoa Y-dược mà cứu chữa cả Đạo-hữu của nền Đạo, về chi Bảo-sanh.
- **Bảo-Cô-Quân**, là vị để bảo-hộ cho những người cô quả, và trẻ côi cút trong nền Đạo, về chi Bảo-cô.

Ấy là sáu vị làm đầu trong mỗi chi, còn dưới nữa, duy mới có Thập-Nhị-Thời-Quân, chia ra làm ba, và vài vị để giúp các vị Chưởng-Quản trên kia, như là:

*Bốn vị giúp sức cho Hộ-Pháp,  
 Bốn vị ..... Thượng-Phẩm,  
 Bốn vị ..... Thượng-Sanh,  
 Một vị ..... Văn-Pháp-Quân,  
 Một vị ..... Bảo-Sanh-Quân,*

sau sẽ còn nhiều nữa.

Mấy Chức-sắc Hiệp-Thiên-Đài kể trên kia là những vị nắm mỗi giềng cho nền Đạo, cầm đuốc sáng diu đường cho cả thầy, lại là người để lập điều-lệ theo phận-sự của mình và cho cả sanh chúng, nên gọi là “*Chơn Thần*” của Đạo. Mấy ông vẫn là người phò-loan (*Médiums*) tiếp tay những lời Thánh-Giáo của Đức Chí-Tôn, và các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần trên Bát-Quái-Đài, gọi là “*Hồn*” của Đạo, rồi giao lại cho Chức-sắc Cửu-Trùng-Đài là những trang hành-chánh và phổ-độ, gọi là “*Xác*” của Đạo tùy theo đó mà ban hành ra cho cả Đạo-hữu.

Nếu có điều chi sai sót, không hợp với sanh-linh, thì Chức-sắc Cửu-Trùng-Đài cũng có thể gọi lên Hiệp-Thiên-

Đài mà xin chấn-chỉnh lại, nhưng cũng phải tìm điều hữu-lý mà biện-bác, mới sửa cải đặng.

M. Cao-Quỳnh-Đức lại giải thêm với tôi rằng:

Trong 21 Chức-sắc Hiệp-Thiên-Đài đã kể trên đây, có hai vị: Thượng-Phẩm và Thượng-Sanh, vẫn là Chức-sắc bên Cửu-Trùng-Đài, sắp vào hàng Chức-sắc Hiệp-Thiên-Đài, đặng bình vực quyền của Chức-sắc Cửu-Trùng-Đài, và cả sanh chúng. Đối với ba vị Chưởng-Pháp bên Hiệp-Thiên-Đài sắp vào hàng ngũ Cửu-Trùng-Đài, kể dưới Giáo-Tông, hầu có hiện diện, mà bảo-bô vun trồng các luật-lệ của Hộ-Pháp đã giao qua Cửu-Trùng-Đài, mà ban hành ra cho sanh chúng.

Coi xong rồi, bước xuống thang, ảnh dắt tôi ra phía sau Phòng-Văn, trình-diện với mấy ông Chức-sắc lớn, rồi dẫn coi nhiều chỗ khác. Mỗi mỗi đều có cốt nghĩa: Nào là cốt Phật Thích-Ca cỡi ngựa, tựa hình lúc ông Cyaca Mouni còn đương kiêu Hoàng-Tử, từ Hoàng-thành tâm Đạo; ấy là trạng-thái lúc khai nguyên Phật-Giáo, lại có cốt ông Sa-Nạt dựng phía sau, nào là Phật Di-Lặc, còn hai bên đường thì có rừng trầy sạch những tạp mộc, chừa lại nhiều cây cao lớn, có tàn che mát-mẻ tốt tươi, gọi là Vườn Thiên Nhiên.

Anh dắt tôi lần-lần ra nhà tịnh, rồi lại trở vòng qua các nhà khác nữa.

Tôi nhắm coi thật minh-mông, ngó đà môn mắt, nghĩ cho M. Cao-Quỳnh-Cử, điều đình mà khai phá miếng đất này, đã để công-trình rất dày, mới đặng vậy.

## CHUNG



---

# ĐẠO MẠCH TRI NGUYÊN

Tác Giả: HUỆ CHƯƠNG